

Bản án số: 87/2018/DS-PT
Ngày: 27/4/2018
V/v: Tr/c quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**;

Ông **Lê Trọng Hân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án sơ thẩm số: 44/2017/DS-ST ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1947 (Chết ngày 24/01/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1976 (Có mặt)

2. Bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1948 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang;

Cùng ủy quyền cho bà **Tăng Thị S**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Theo văn bản ủy quyền đề ngày 10/4/2018.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D: Bà **Cao Thị Tố Q**- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1948 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà **Tăng Thị S**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

5. Ông **Nguyễn Bình Đ**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Nhà Lầu 2, xã Ninh Thạnh Lợi A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

7. Bà **Dương Thị Ch**, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Văn M trình bày:

Khoảng năm 1989, ông M có bán cho ông Nguyễn Văn A là em ruột của ông Nguyễn Văn K diện tích đất 10 công tầm 3m, chiều ngang, chiều dài ông không nhớ, có bốn phía giáp đất của ông. Khi bán giữa hai bên có làm giấy tay do ông A quản lý. Năm 1991, ông A bán toàn bộ diện tích đất này cho ông K. Năm 1992, ông K múc vuông nuôi tôm và có hỏi mượn của ông M một phần đất ngang 2m, dài 12m, cặp mé sông là cái biển để đặt ống bơm nước, ông cũng đồng ý. Nhưng trong quá trình sử dụng, ông K lấn chiếm thêm phần đất của ông, hiện tại ông K đã lấn đất chiều ngang 16m, dài 99m (kể cả phần ông cho mượn) và một chiều ngang 12m. Phần đất tranh chấp này trước năm 1989, ông trồng lúa, đến khi bán đất cho ông A ông không bán phần đất này mà vẫn để trồng lúa. Năm 1994, ông lên bờ trồng bạch đàn. Năm 2011, ông có cắm 5 cây cột điện chạy dài theo phần đất này (đoạn tranh chấp có 2 hoặc 3 cây cột điện). Đến năm 2012, Nhà nước mức đường kinh thì ông đồn bạch đàn để Nhà nước đổ đất lên, sau khi Nhà nước đổ đất lên thì ông tiếp tục trồng bạch đàn và dừa. Ông yêu cầu ông K trả phần đất diện tích 3.000m².

Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, ông M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông K trả diện tích đất một chiều ngang 6m, một chiều ngang 4m, dài 63m (tính từ kinh liếp ốc đo vô, theo như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2017). Trên phần đất này có 3 cây dừa, 01 cây bạch đàn do ông trồng từ năm 2012 cho đến nay, cây chưa có trái, không có giá trị, ông không yêu cầu định giá và cũng không yêu cầu bồi thường gì. Ông M tự nguyện cho ông K sử dụng một phần đất diện tích 25m² có tứ cận hai cạnh chiều ngang giáp đất ông M 01 cạnh = 4m, cạnh kia = 4,08m; cạnh chiều dài phía giáp đất ông M = 6m; cạnh chiều dài phía giáp kênh = 6m.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn K - ủy quyền cho bà Tăng Thị S trình bày:

Nguồn gốc đất ông K đang sử dụng là của ông Võ Văn M. Năm 1988, ông M sang cho ông Nguyễn Văn A là em ruột của ông K. Vào ngày 06/3/1991, ông

A sang lại cho ông K 10 công đất ruộng và 01 cái bàu khoảng 01 công tầm lớn (nằm giữa lòng đất 10 công), với giá 350 gia lúa. Khi sang có làm giấy tay có bàn cận là ông Nguyễn Văn U chứng kiến. Trong 10 công này có phần đất ông M đòi. Từ khi sang đất đến nay ông K canh tác, sử dụng 01 vụ tôm, 01 vụ lúa. Đến năm 2003, ông K đi làm bằng khoán và được cấp giấy, do trong giấy ghi nhiều thửa nên ông không biết thửa số mấy. Khi ông K sang đất của ông A là phần đất đến cặp mé kinh liếp ốc, 03 phía còn lại là giáp với đất ông M. Năm 1990, ông M chỉ có trồng 01 cây bạch đàn hiện nay vẫn còn (tại điểm 4 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2017), dừa là của ông K trồng, mấy cây ông K không nhớ, dừa chưa có trái, không có giá trị nên không yêu cầu định giá, cũng không yêu cầu bồi thường giá trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N trình bày:

Bà thống nhất theo lời trình bày của ông M, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Tăng Thị S trình bày:

Chồng bà là anh Nguyễn Văn B được ông K cho sử dụng phần đất này từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng bà không có tài sản gì trên đất. Nay giữa ông M và ông K tranh chấp phần đất này, vợ chồng bà không có yêu cầu gì, mọi quyết định của ông K, vợ chồng bà đều thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B (chồng bà S) trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà S, ngoài ra không ý kiến gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bình Đ trình bày:

Ngày 15/7/2017 âm lịch ông có thuê phần đất của ông K, hợp đồng thuê là 3 năm, trong đó có phần đất đang tranh chấp giữa ông M với ông K. Tuy nhiên, ông không có yêu cầu gì trong vụ kiện này, Tòa án giao đất cho ai thì ông cũng thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L trình bày:

Năm 1998 cha ông (ông M) có cho phần đất để cất căn nhà (chòi) sử dụng chứa đồ, nay phần đất cha ông tranh chấp với ông K. Trường hợp Tòa án giao đất cho ai ông cũng đồng ý và không yêu cầu gì, ông tự nguyện dỡ chòi để giao trả đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ch (vợ ông L) trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của ông L, ngoài ra không ý kiến gì thêm.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn A trình bày:

Năm 1988, ông và ông M có thỏa thuận đổi đất, ông M giao cho ông 10 công đất, ông giao cho ông M 10 con trâu và 60 gia lúa. Khi đó đất thì ông M có cho ông một miếng đất biên chiều ngang 12 tầm 3m, dài khoảng 6m để làm đường trâu đi (cái biên này giáp kinh liếp ốc là phần đất đang tranh chấp). Năm 1991, ông sang toàn bộ phần đất này cho ông K và có nói phần đất biên này ông K sử dụng luôn.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2017/DS-ST ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn K.

Xác định phần đất tranh chấp có diện tích $266,2m^2$. Có tứ cận: Phía giáp đất ông M chiều ngang cạnh $55' = 4m$; phía giáp đất ông M chiều dài cạnh $5'6' = 65,38m$; phía giáp đất ông M cạnh $6'4 = 6m$; phía giáp kênh có cạnh $45 = 63,2m$. Tọa lạc ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang là của ông Võ Văn M. Buộc ông K có nghĩa vụ tháo dỡ ống dẫn nước, cây cối, công trình có trên đất để giao trả phần đất cho ông M.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông M giao cho ông K phần đất có diện tích $25m^2$, có tứ cận chiều ngang cạnh $55' = 4m$; phía giáp đất ông M chiều dài cạnh $5'7' = 6m$; phía giáp đất ông M cạnh $7'8' = 4,08m$; phía giáp kênh có cạnh $8'5 = 6m$.

(Số liệu, vị trí cụ thể theo bản vẽ do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 05/4/2017).

Ông Võ Văn M, ông Nguyễn Văn K được sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất thuộc hành lang an toàn thủy giới, lộ giới.

2- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích $2.733,8m^2$ của ông Võ Văn M đối với ông Nguyễn Văn K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Đến ngày 20/10/2017, ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm:**

Ông K yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông M và trả lại phần đất tranh chấp cho ông vì ông đã sử dụng 27 năm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của bị đơn.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến:

Theo thông lệ ở địa phương khi chuyển nhượng đất nông nghiệp phải có đường dẫn nước để canh tác, sử dụng. Thực tế, gia đình ông K đã sử dụng ổn định và đã có công trình trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về nguồn gốc đất tranh chấp các bên đều xác định trước đây là của ông M. Ông M cho rằng khi bán cho ông A 10 công đất thì không bán phần đất biên (đang tranh chấp). Theo lời khai ông A thì phần đất tranh chấp là

cái biên của ông M sử dụng, ông M cho ông một khoảng để đắp bờ canh tác, làm đường trâu đi chứ không có bán. Ông A cho rằng ông M cho ông nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông M không thống nhất khi bán đất có cho ông A phần đất này.

Về quá trình sử dụng: Ông M trước đây có trồng lúa, sau có trồng bạch đàn và dừa; phía ông K có đặt ống cống làm đường dẫn nước nuôi tôm. Bà S cũng xác định phần đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K. Phòng Tài nguyên môi trường huyện xác định: Đất thuộc hành lang thủy, lộ giới nên chưa cấp quyền sử dụng cho ai. Do đó tiếp tục giao đất cho ông M sử dụng là phù hợp, không chấp nhận kháng cáo của ông K. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn K chết ngày 24/01/2018. Vào ngày 11/4/2018, bà Tăng Thị S cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang xác định: Ông K có vợ tên Đặng Thị D; ông K và bà D có 01 người con tên Nguyễn Văn B. Cha mẹ ông K đều đã chết. Nên Hội đồng phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đưa những người thừa kế của ông Nguyễn Văn K là bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Văn B vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Bà Đặng Thị D ủy quyền cho bà Tăng Thị S tham gia xét xử phúc thẩm (theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018), ông Nguyễn Bình Đ, ông Võ Văn L, bà Dương Thị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 – Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định diện tích đất 266,2m² tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang tranh chấp giữa các đương sự có nguồn gốc là của ông Võ Văn M. Năm 1989, ông M chuyển nhượng cho ông A 10 công, đến năm 1992 ông A chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông K. Sau đó ông K vào mức vuông, canh tác sử dụng.

Phía bị đơn xác định: Khi bán đất cho ông A, ông M có hứa cho phần đất biên khoảng 12 tầm 3m, dài khoảng 6m để làm đường trâu đi (đất đang tranh chấp), sau đó ông A chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông K bao gồm phần đất đang tranh chấp.

Nguyên đơn - ông M không thống nhất với ý kiến bị đơn, ông M xác định khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho A, ông không cho phần đất biên – phần đất đang tranh chấp. Đến khi ông A chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K thì ông K có hỏi mượn ông phần đất có chiều ngang 02 m, dài 12m để đặt ống

dẫn nước ra kênh Liếp Ốc, đến nay ông K đã lấn chiếm đất diện tích 266,2 m². Ông yêu cầu ông K trả lại phần đất đã lấn chiếm.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Tăng Thị S không đồng ý yêu cầu của ông M. Bà S cho rằng phần đất này gia đình ông K đã sử dụng trên 27 năm, khi chuyển nhượng từ ông A là 10 công và 01 cái bào (phần đất đang tranh chấp) nên yêu cầu công nhận diện tích đất này cho gia đình.

Xét kháng cáo của bị đơn, đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

Về nguồn gốc, các đương sự đều thống nhất xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Võ Văn M.

Theo trình bày của ông Nguyễn Văn A – là người nhận chuyển nhượng từ ông M, sau đó mới chuyển nhượng lại cho ông K - xác định: Ông M chuyển nhượng cho ông 10 công đất, phần đất đang tranh chấp hiện nay là của ông M cho ông để làm đường cho trâu đi, chứ không có bán trong số đất 10 công. Ông M nói cho bằng miệng chứ không lập giấy tờ gì.

Về quá trình sử dụng đất: Phía gia đình ông M có trồng lúa, sau đó trồng bạch đàn và dừa, ông M có cắm cột điện chạy dài trên đất, anh Võ Văn L – con ông M có cất chòi trên đất; phía gia đình ông K có đặt ống cống làm đường dẫn nước nuôi tôm. Năm 2012, Nhà nước mức kênh mở rộng thì ông Phạm Thanh H (Trưởng ấp) có gặp ông M kêu đốn cây. Ông H xác định, đất của ông K nằm ở phía trong kênh Liếp Ốc, còn đất của ông M nằm phía ngoài (BL số 39).

Những người làm chứng gồm: ông Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn Ằ xác định đất này là của ông M và ông M sử dụng liên tục từ trước khi bán đất cho ông A vào năm 1989 cho đến nay, không tranh chấp.

Bà Tăng Thị S xác định: Diện tích đất tranh chấp không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K (BL số 39).

Tại Công văn số 26/CV-TNMT ngày 25/9/2017 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện V (BL 114) xác định: “Phần diện tích đất ông M đang tranh chấp với ông K là đất thuộc hành lang an toàn giao thông lộ giới, thủy giới nên Ủy ban nhân dân huyện chưa cấp quyền sử dụng cho ai”.

Từ những căn cứ trên thấy rằng, các bên thống nhất nguồn gốc đất là của ông M, đồng thời ông M đã có quá trình sử dụng đất được những người làm chứng xác nhận, đất hiện thuộc hành lang an toàn giao thông lộ, thủy giới chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất nên tạm giao cho ông M sử dụng phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật đất đai đối với đất thuộc hành lang thủy giới, lộ giới cũng là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M vẫn tự nguyện cho ông K sử dụng một phần đất có tứ cận hai cạnh chiều ngang giáp đất ông M 01 cạnh = 4m, cạnh kia = 4,08m; cạnh chiều dài phía giáp đất ông M = 6m; cạnh chiều dài phía giáp kênh = 6m để gia đình ông K có đường dẫn nước canh tác phần đất phía trong nên ghi nhận.

Đối với cây trồng và vật kiến trúc trên đất: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện có 09 cây dừa, 01 cây bạch đàn, 05 cây cột điện ông M cắm, 01 căn chòi của ông L (con ông M); 01 đường đào đặt ống dẫn nước nuôi

tôm (do ông K đặt ống); các bên đương sự xác định không yêu cầu gì, trường hợp đất giao cho ai thì bên kia tự đốn cây, di dời tài sản có trên đất, không yêu cầu bồi thường.

Phía bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu của bị đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2017/DS-ST ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn Nguyễn Văn K phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K - ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D có trách nhiệm nộp số tiền này.

+ Hoàn trả cho ông Võ Văn M tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004101 ngày 11/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V số tiền là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Bị đơn Nguyễn Văn K kháng cáo không được chấp nhận về nội dung nên phải chịu án phí phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D phải có nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

[4]. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Bị đơn Nguyễn Văn K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.449.000 đồng. Do ông Võ Văn M đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.449.000 đồng cho ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 170, Điều 179 Luật đất đai 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS-ST ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

[1]- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 266,2m² đối với ông Nguyễn Văn K.

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn M sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 266,2m² tọa lạc ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang; theo Tờ trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V lập ngày 05/4/2017 có số liệu, vị trí tứ cận như sau: Phía giáp đất ông M cạnh chiều ngang từ 5 đo qua 6 lấy từ 5 đến 5' = 4m (cạnh 55' = 4m); phía giáp đất ông M cạnh chiều ngang từ 4 đo qua 3 cạnh từ 4 đến 6' = 6m (cạnh 46' = cạnh 6'4 = 6m); phía giáp đất ông M cạnh chiều dài đo từ 5' đến 6' = 65,38m (cạnh 5'6' = 65,38m); cạnh phía giáp kênh đo từ 4 đến 5 = 63,2m (cạnh 45 = 63,2m). Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K (ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D) có nghĩa vụ tháo dỡ ống dẫn nước, cây cối, công trình có trên đất để giao trả đất cho ông M.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông M cho ông K sử dụng phần đất có diện tích 25m², có tứ cận phía giáp đất ông M chiều ngang cạnh 5 đo đến 5' = 4m (cạnh 55' = 4m); phía giáp đất ông M cạnh chiều dài từ 5' đo qua 6' lấy từ 5' đến 7' = 6m (cạnh 5'7' = 6m); phía giáp kênh cạnh từ 5 đo qua 4 đo từ 5 đến 8' = 6m (cạnh 58' = cạnh 8'5 = 6m); phía giáp đất ông M cạnh 7' đến 8' = 4,08m (cạnh 7'8' = 4,08m).

Đương sự được sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất thuộc hành lang an toàn thủy giới, lộ giới.

[2] - Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.733,8m² tọa lạc ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang của ông Võ Văn M đối với ông Nguyễn Văn K.

[3] - Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

+ Hoàn trả cho ông Võ Văn M tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004101 ngày 11/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V số tiền là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D phải có nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

[4] - Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bị đơn Nguyễn Văn K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.449.000 (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng. Do ông Võ Văn M đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị D) phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.449.000 (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng cho ông M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hoàng Thị Thu Hương